Ký bởi: SỞ TƯ PHÁP
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thời gian ký: 22/12/2025 15:01:56

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2025/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017QH14;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về loại hình, nguyên tắc, hình thức, mức hỗ trợ, thủ tục xét hỗ trợ, quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa kết quả và xử lý tài sản trang bị, quản trị rủi ro trong đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), hợp tác xã có hoạt động: thực hiện đổi mới, cải tiến thiết bị, công nghệ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ;

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (viết tắt là tổ chức) trên địa bàn thành phố có hoạt động:

Nâng cao năng lực công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến, đánh giá hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

Điều 2. Loại hình công nghệ được hỗ trợ

1. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

2. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực khuyến khích chuyển giao.

3. Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

2. Chỉ hỗ trợ đối với các nhiệm vụ chưa thực hiện bằng nguồn vốn của Nhà nước hoặc chưa nhận từ nguồn khác của Nhà nước.

3. Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, hợp tác xã chưa được hỗ trợ theo Nghị quyết này hoặc chưa nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

4. Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhận công nghệ không thuộc Danh mục hạn chế hoặc cấm chuyển giao theo quy định của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ hoặc dự án nghiên cứu có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng và sức khỏe con người.

5. Đối với công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ tương tự nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp, hợp tác xã.

6. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp, hợp tác xã được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 5. Mức hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình công nghệ, thiết kế, chế tạo,

ứng dụng thiết bị có hàm chứa công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2. Đối với các nhiệm vụ xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có tính cạnh tranh cao trên thị trường, đánh giá hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực; xây dựng, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, nhu cầu công nghệ, chuyên gia công nghệ: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá 06 (sáu) tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã trong một nhiệm vụ. Mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02 (hai) nhiệm vụ.

Điều 6. Thủ tục xét hỗ trợ

Thủ tục xét hỗ trợ theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 7. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 8. Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Quản trị rủi ro trong thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ; vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết này;

b) Các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã sử dụng kinh phí hỗ trợ đổi mới công nghệ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ đã nghiệm thu trước khi Nghị quyết có hiệu lực: Thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu.

2. Đối với các nhiệm vụ đã được phê duyệt nhưng chưa nghiệm thu: Được xem xét tiếp tục thực hiện và thanh quyết toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối với các nhiệm vụ chưa được phê duyệt hoặc chưa có quyết định cấp kinh phí: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND xã, phường;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.HV

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đồng Văn Thanh